

Bản án số: 50/2023/HSST

Ngày: 27-07-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Xuân Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Quốc Trị
- Ông Hà Xuân Ninh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trần Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/TLST-HS, ngày 22/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST - HS ngày 13/7/2023 đối với bị cáo:

Trần Thị H, tên gọi khác: Không, sinh năm 1972 tại xã G, huyện G, tỉnh N; nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Đỗ Thị X; chồng là Đinh Văn Th, sinh năm 1969 và có 03 con, con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tháng 3/2018, Trần Thị H vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc lao động, sau đó bị bắt giữ và bị Tòa án nhân dân khu Hưng Ninh, thành phố Nam Ninh, khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa tuyên phạt 08 tháng tù về tội vượt biên trái phép theo Phán quyết hình sự số 424 sơ thẩm hình sự 0102 (2018), ngày 31/10/2018. Ngày 14/11/2018, Trần Thị H chấp hành xong hình phạt tù và trực xuất về Việt Nam; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ni (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N (vắng mặt)
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N (vắng mặt)
- Chị Trần Thị Y, sinh năm 1994; trú tại: thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N (vắng mặt)
- Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1969; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N (có mặt)
- Anh Đinh Quang Đức, sinh năm 1995; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N (vắng mặt)
- Anh Đinh Tiên G, sinh năm 1996; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N (vắng mặt)
- Anh Đinh Tiên D, sinh năm 2000; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N (vắng mặt)
- Anh Trần Văn Ngh, sinh năm 1984; trú tại: thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N (vắng mặt)

Người làm chứng: anh Phan Văn H, chị Nguyễn Thị N, Bùi Thị Kh và Trần Thị V (đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng đầu năm 2018, do có nhu cầu đi sang Trung Quốc lao động nên H đã vào một số hội nhóm trên mạng xã hội Zalo của những người chuyên môi giới đưa người sang Trung Quốc và làm quen được với một người phụ nữ tên Nhung (H không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của Nhung). Nhung giới thiệu là người môi giới có thể đưa người sang Trung Quốc lao động và nói với H: “*Sang Trung Quốc chặt mía hoặc làm mộc, lương tháng khoảng 10 triệu đồng, ăn ở được chủ lo, đi chui không phải làm giấy tờ, thủ tục gì, chi phí sang Trung Quốc khoảng 4 triệu đồng*”. H đã nhờ Nhung đưa sang Trung Quốc lao động, Nhung đồng ý và hẹn khi nào có đợt đi sẽ thông báo. Sau khi trao đổi với Nhung, H có gặp và kể chuyện mình sắp đi Trung Quốc lao động với một số người là hàng xóm, người quen, họ hàng của H. Khi có người hỏi về công việc, tiền lương bên Trung Quốc, H đã nói với họ nội dung như Nhung đã

nói. Sau khi nói chuyện với H, đã có 04 người trên địa bàn xã G, huyện G nhờ H giúp đưa đi sang Trung Quốc lao động cùng gồm: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 cùng con trai là Nguyễn Văn To, sinh năm 2000; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 (đều là hàng xóm của H và đều trú tại thôn Đ, xã Gia H), chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1994 (là cháu họ của H và trú tại thôn Ph, xã G). Hà đồng ý giúp đỡ và gọi điện cho Nhung hỏi ý kiến về việc sẽ đưa thêm 4 người trên sang Trung Quốc lao động cùng H, Nhung nhất trí và hẹn H thời gian đi, địa điểm đưa đón.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 13/3/2018, anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Y có mặt tại nhà của H để bắt xe đi Trung Quốc. H liên hệ thuê xe ô tô loại 16 chỗ của anh Phan Văn H, sinh năm 1971, trú tại thôn C, xã G để chở H và những người trên đi cùng đến khu vực cầu Khuất, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn để đón xe khách đi tỉnh Cao Bằng. Khi đến cầu Khuất, nhóm người của H xuống xe, H trả cho anh H số tiền 500.000 đồng, sau đó cùng nhóm người trên đón xe khách đi tỉnh Cao Bằng (H không nhớ tên hãng xe khách cũng như biển số xe, đặc điểm lái xe, phụ xe). Tiền đi xe khách lên Cao Bằng hết khoảng 200.000 đồng do H và những người cùng đi tự chi trả. Khi đến bến xe Cao Bằng, H gọi cho Nhung ra đón. Nhung yêu cầu H và số người đi cùng nộp tiền chi phí đi Trung Quốc là 4.000.000 đồng/người. H nộp cho Nhung số tiền 8.000.000 đồng (gồm chi phí của H và chị Y trước đó đã đưa cho H nhờ nộp giúp), còn anh T, T và H mỗi người tự bỏ ra 4.000.000 đồng để nộp cho Nhung. Sau đó, Nhung đưa H và những người đi cùng đến một nhà nghỉ gần khu vực cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng để nghỉ lại một đêm. Đến sáng hôm sau, Nhung tiếp tục đến đón và đưa mọi người đến khu vực bờ sông giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Tại đây Nhung liên hệ thuê một người (H không nhớ giới tính, đặc điểm người này) điều khiển bè tre chở cả nhóm qua sông sang bờ sông bên phía Trung Quốc. Quá trình vượt biên nhóm của H không gặp cơ quan chức năng, cũng không làm thủ tục xuất nhập cảnh nào. Sau khi qua sông, Nhung bố trí ô tô do lái xe người Trung Quốc điều khiển chở Hà và những người đi cùng đi sâu vào nội địa Trung Quốc, sau đó đến một nhà nghỉ thuộc khu vực tỉnh Quảng Tây để nghỉ ngơi. Tại đây, H và những người đi cùng đã bị lực lượng Công an thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc kiểm tra, bắt giữ, tạm giam hình sự, sau đó bị Tòa án nhân dân khu Hưng Ninh, thành phố Nam Ninh, khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc xét xử 08 tháng tù về tội: “*Vượt biên trái phép*”. Đến ngày 14/11/2018, sau khi ra tù, H và những người đi cùng bị trục xuất về Việt Nam.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: ngày 13/3/2018, ngoài Trần Thị H, các anh Nguyễn Văn Tâ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Y còn có 5 người khác đi cùng trong chuyến đi sang Trung Quốc với nhóm của H bao gồm: anh Đinh Văn Th, sinh năm 1969 (chồng của H), anh Đinh Quang Đ, sinh năm 1995, Đinh Tiến G, sinh năm 1996, Đinh Tiến D, sinh năm 2000 (cả ba đều là con ruột của H) và anh Trần Văn Ngh, sinh năm 1984 (em trai H). Tuy nhiên, việc xuất cảnh trái phép của 5 người này không liên quan đến hành vi phạm tội của H. Việc các anh Th, Đ, G, D và Ngh đi Trung Quốc là do tự liên hệ và xin người phụ nữ tên Nhung, tự nộp chi phí cho Nhung, không liên quan đến H. Bản thân Hà còn phản đối, không đồng ý việc chồng và các con đi Trung Quốc lao động. Do đó không có đủ căn cứ để kết luận vai trò của H đối với việc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của những người này.

Ngày 02/02/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra công văn số 42/ANĐT gửi Phòng An ninh đối ngoại, Công an tỉnh Ninh Bình yêu cầu cung cấp nội dung: Trần Thị H và những người cùng đi Trung Quốc lao động với H vào tháng 3/2018 là Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Thị Y, Đinh Văn Th, Đinh Quang Đ, Đinh Tiến G, Đinh Tiến D và Trần Văn Ngh đã được cấp hộ chiếu chưa? Thời gian cấp? thời hạn của hộ chiếu? có trường hợp nào sử dụng hộ chiếu, visa hay giấy tờ thông hành để xuất cảnh sang Trung Quốc không? Thời gian xuất cảnh? Lý do xuất cảnh? Thông tin nhập cảnh? Trong số những người nêu trên, có trường hợp nào bị cơ quan chức năng Trung Quốc bắt giữ và đuổi về Việt Nam không? Nếu có thì vào thời gian nào? Có thông qua cơ quan chức năng của Việt Nam không? Thông qua cơ quan nào?

Tại công văn số 29/ANĐNg, ngày 24/02/2021 của Phòng An ninh đối ngoại, Công an tỉnh Ninh Bình xác định:

Có 02 trường hợp đã bị cơ quan chức năng của Trung Quốc bắt giữ, đẩy đuổi về Việt Nam năm 2018 là Trần Văn Ngh và Nguyễn Văn T.

Có 02 trường hợp được cấp hộ chiếu là Nguyễn Văn T và Đinh Văn Th.

Có 05 trường hợp được cấp giấy thông hành nhưng đều hết hạn trước tháng 3/2018 là Đinh Tiến D, Đinh Tiến G, Trần Thị Y, Trần Văn Ngh và Trần Thị H.

Các trường hợp khác không có thông tin, tài liệu phản ánh về việc được cấp hộ chiếu hoặc giấy thông hành. Không có trường hợp nào xuất cảnh bằng hộ chiếu.

Ngày 09/5/2023, Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Ninh Bình ra quyết định trưng cầu dịch thuật số 27/QĐ- ANĐT để tiến hành dịch thuật các tài liệu kèm theo công văn số 1537/VKSNDTC- V13 của Vụ hợp tác quốc tế và tương

trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. Kết quả trưng cầu dịch thuật tại phán quyết hình sự số 424 sơ thẩm hình sự 0102 (2018) ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân khu Hưng Ninh, thành phố Nam Ninh, khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa xác định: bị cáo Trần Thị Hà phạm tội vượt biên trái phép, xử phạt tù có thời hạn 8 tháng và nộp tiền phạt 2000 Nhân dân tệ (thời gian thi hành án được tính từ ngày thực hiện phán quyết, trường hợp bị giam giữ trước ngày thực hiện phán quyết thì giam giữ một ngày sẽ được giảm một ngày trong thời gian thi hành án, tức từ ngày 15/3/2018 đến ngày 14/11/2018. Tiền phạt được nộp lên Tòa trong vòng 10 ngày sau khi phán quyết có hiệu lực, nếu hết thời hạn vẫn chưa nộp phạt sẽ bị cưỡng chế nộp phạt).

Ngày 14/01/2021, Trần Thị H đã đến Công an xã G, huyện G tự thú về hành vi tổ chức đưa dẫn 04 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động của mình. Quá trình điều tra, Trần Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 47/CT - VKS - GV, ngày 20/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn đã truy tố bị cáo Trần Thị H ra trước Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn để xét xử về tội: *“Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”* theo khoản 1, khoản 4 Điều 349 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội: *“Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”*. Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến, vật chứng thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trần Thị H không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động tư vấn, môi giới, tuyển dụng, đưa người lao động Việt Nam sang nước ngoài lao động, làm việc. Khoảng tháng 3/2018, sau khi các anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Y xin Hà đưa đi Trung Quốc lao động, Hà đã liên hệ với người phụ nữ tên Nhung để bàn bạc, thống nhất thời gian, địa điểm, bố trí phương tiện đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động. Đến ngày 13/3/2018, H trực tiếp thuê xe ô tô đưa 4 người nêu trên đi từ nhà H đến cầu Khuất, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn rồi đón xe khách đi tỉnh Cao Bằng. Sau đó với sự giúp đỡ của người phụ nữ tên Nhung, H đã đưa 4 người nêu trên vượt biên trái phép sang Trung Quốc bằng cách đi bè tre qua sông tại khu vực gần cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định.

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức rõ hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật nhưng lợi dụng sự lỏng lẻo trong việc quản lý biên giới mà H đã tổ chức cho người khác vượt biên trái phép sang Trung Quốc, gây mất an toàn, an ninh quốc gia.

Điều 349: Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép:

1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Từ căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã đến cơ quan Công an tự thú về hành vi phạm tội của mình. Bố mẹ bị cáo đều tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương hạn Ba. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo và con trai Đinh Tiến D bị mắc

bệnh lý về tim mạch, đang trong quá trình điều trị. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân khu Hưng Ninh, thành phố Nam Ninh, khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc xử phạt tù về tội vượt biên trái phép và đã bị UBND xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn xử phạt hành chính. Tuy nhiên, các lần bị xử phạt nêu trên đều liên quan đến hành vi phạm tội lần này của H.

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tiền sử bệnh lý về tim mạch đang điều trị, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người tốt đồng thời vẫn đảm bảo được tính răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài của bị cáo H không nhằm mục đích vụ lợi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo H.

Ngoài ra tháng 3/2018, bị cáo H xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, sau khi bị cơ quan chức năng Trung Quốc bắt giữ, xét xử và chấp hành xong hình phạt, tuy nhiên trước đó H chưa bị xử phạt hành chính về hành vi xuất, nhập cảnh trái phép. Do đó hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của H chưa đủ yếu tố cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh*” quy định tại Điều 347 Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính, hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của H đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó không xem xét, xử lý đối với H về hành vi xuất cảnh trái phép. Tháng 5/2020, bị cáo Hà tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để lao động. Đến tháng 12/2020, nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Do chưa bị xử phạt hành chính về hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép nên hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh*” quy định tại Điều 347 Bộ luật hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo đã vi phạm điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã có công văn đề nghị Chủ tịch UBND xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H là thỏa đáng.

- Đối với các trường hợp của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Trần Thị Y, Đinh Văn Th, Đinh Quang Đ, Đinh Tiến G, Đinh Tiến D và Trần Văn Ngh là những người đã có hành vi vượt biên trái phép sang Trung Quốc cùng với Trần Thị H vào tháng 3/2018. Sau khi bị cơ quan chức năng Trung Quốc bắt giữ, xét xử và chấp hành xong hình phạt, đến tháng 11/2018, những người này đều nhập cảnh trái phép về Việt Nam (trừ anh Nghiệp và anh T được trao trả cho cơ quan chức năng của Việt Nam tại cửa khẩu). Tất cả các trường hợp nêu trên đều chưa bị xử phạt hành chính về hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép. Do đó hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của những người này chưa đủ yếu tố cấu thành tội: *“Vi phạm về xuất cảnh, nhập cảnh”* quy định tại Điều 347 Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính, hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của T, T, H, Y, Th, Đ, G, Dũng và Nghiệp nêu trên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó không xem xét xử lý.

- Đối với người phụ nữ tên Nhung, là người liên hệ với bị cáo H bàn bạc, thống nhất thời gian, địa điểm đưa Hà cùng các anh T, T, H và chị Y sang Trung Quốc. Ngoài ra Nhung còn trực tiếp thỏa thuận, đồng ý cho Th, Đ, G, D và Nghiệp đi Trung Quốc không thông qua H và yêu cầu những người này đi cùng đợt ngày 13/3/2018. Sau đó Nhung đã trực tiếp đón, thu tiền, liên hệ nhà nghỉ và bố trí bè tre cho H và những người đi cùng vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Khi sang đến Trung Quốc, Nhung tiếp tục bố trí ô tô đưa cả nhóm đi sâu vào nội địa Trung Quốc. Tuy nhiên, bản thân bị cáo H và những người đi cùng không biết rõ nhân thân, lai lịch, đặc điểm của Nhung, không còn lưu hay nhớ số điện thoại liên lạc của Nhung. Do đó không có đủ căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với anh Phan Văn H là người điều khiển xe ô tô 16 chỗ chở Hà cùng 9 người đi cùng từ nhà H ra khu vực cầu Khuất, xã Gia Thanh. Quá trình điều tra xác định, anh H chỉ biết nhóm của H thuê xe ra khu vực cầu Khuất, trên đường đi nghe nhóm người nói chuyện về việc đi ra cầu Khuất để bắt xe đi Trung Quốc lao động, anh H không biết nhóm của H sẽ vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Do đó không có đủ căn cứ để xử lý đối với anh H.

Đối với xe ô tô khách đã chở H cùng 9 người từ cầu Khuất đi lên tỉnh Cao Bằng. Bản thân H và những người đi cùng không nhớ tên hãng xe khách cũng như biển số xe, đặc điểm lái xe, phụ xe. Đối với người điều khiển bè tre chở nhóm của H vượt biên trái phép ở khu vực bờ sông gần cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng, H và những người đi cùng không nhớ đặc điểm, nhân thân, lai lịch, giới tính của

người này, không xác định được chính xác vị trí, đặc điểm khu vực vượt biên. Do đó không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Y đều không có yêu cầu đề nghị bị cáo phải trả lại số tiền mà anh T, anh T, anh H và chị Y mỗi người nộp cho bị cáo Hà 4.000.000đ, để bị cáo H nộp lại cho Nhung. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Gia Viễn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 349; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Thị H phạm tội: *“Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”*.

Xử phạt Trần Thị H 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba sáu) tháng tính từ ngày tuyên án ngày 27/07/2023. Giao bị cáo Hà cho UBND xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Gia Hòa giám sát giáo dục bị cáo H.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: bị cáo Trần Thị H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo; người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Bình;
- CQĐT Công an huyện Gia Viễn;
- Thi hành án dân sự H. Gia Viễn;
- Viện kiểm sát H. Gia Viễn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đinh Xuân Tường